

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MANG THÍT  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HS-ST  
Ngày: 11- 5- 2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Văn Vĩnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Phẩm.

*Ông Nguyễn Đình Cường.*

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Hoàng Cúc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thái Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2023/TLST-HS ngày 07 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2023, đối với bị cáo:

**Huỳnh Văn C**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1970, tại huyện TH, tỉnh Long An. Nơi cư trú: ấp LAB, xã PT, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1943 (chết) và bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1943 (chết); vợ: Trần Thị P, sinh năm 1970 (đã ly thân); con: có 02 người, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2000; anh chị em ruột: không; tiền sự: chưa; tiền án: chưa. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/02/2023, tạm giam từ ngày 09/02/2023 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***- Bị hại:*** Trần Thị T, sinh năm 1980. (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: ấp PTC, xã NP, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*** Nguyễn Văn T1, sinh năm 1969. (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: ấp PTC, xã NP, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Huỳnh Văn C và đương sự Nguyễn Văn T1 cùng là người làm công cho ông Trần Văn D. Nhiệm vụ của bị cáo và anh T1 là đi làm công dưới ghe chở trầu của ông D; mỗi người đi ở một ghe khác nhau. Bị cáo được ông D cho nghỉ ngủ dưới ghe. Ngày 17/12/2022, sau khi bán trầu xong, ông D kêu bị cáo điều khiển về tại bến nhà của ông D, ở ấp BH1, xã HT, huyện M, tỉnh Vĩnh Long neo đậu. Đến khoảng 08 giờ ngày 19/12/2022, bị cáo đang ở dưới ghe nhìn thấy ông D dẫn xe mô tô biển số 64K1- 4798, nhãn hiệu YAMAHA JUPITER, màu đỏ từ nhà ra đậu khu vực trại lò gạch. Sau đó, vợ chồng ông D khoá cửa đi dự tiệc. Phát hiện xe không người trông giữ, trên xe gắn sẵn chìa khoá, nên bị cáo nảy sinh ý định lấy xe sử dụng cá nhân. Bị cáo lén lút lấy xe và điều khiển về nhà trọ của Hoàng Ngọc S ở Đường 4/9, Phường 5, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long cất giấu. Đến ngày 21/12/2022, bị cáo điều khiển xe đến rừng tràm thuộc huyện MH, tỉnh Long An làm thuê. Ngày 06/02/2023, bị cáo điều khiển xe về Công an xã HT, huyện M, tỉnh Vĩnh Long đầu thú.

Tại Bản kết luận giá tài sản số 42/KLĐGTS ngày 30/12/2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Mang Thít kết luận: xe mô tô biển số 64K1-4798, có màu sơn đỏ, số máy 5SD1-48215, số khung 5SD1-48215, nhãn hiệu YAMAHA JUPITER có giá trị là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Ngày 08/02/2023, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Mang Thít khởi tố đối với bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi tắt là Bộ luật hình sự).

Cáo trạng số: 25/CT-VKS.HMT ngày 06/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít đã truy tố bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Huỳnh Văn C, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 04 (bốn) tháng đến 06 (tháng) tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Trách nhiệm dân sự đã xử lý xong, miễn xét. Vật chứng đã xử lý xong, miễn xét. Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016, buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận cáo trạng số 25/CT-VKS.HMT ngày 06/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít đã truy tố bị cáo là đúng toàn bộ. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Huỳnh Văn C thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng 25/CT-VKS.HMT ngày 06/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít đã truy tố bị cáo. Hành vi trộm của bị cáo được thực hiện tại ấp BH1, xã HT, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Nên Toà án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý giải quyết sơ thẩm là đúng theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng hình sự

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai người làm chứng, lời khai bị hại, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản, biên bản tiếp nhận người phạm tội đầu thú. Bị cáo xác định không khiêu nại đối với quá trình tiến hành tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của Điều tra viên, của Kiểm sát viên và lời khai của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung hay dùng nhục hình. Do đó, hành vi và chứng cứ, tài liệu của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, qua lời khai của bị cáo đã thể hiện hành vi thực hiện tội phạm như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 19/12/2022, bị cáo phát hiện xe mô tô biển số 64K1-4798, nhãn hiệu YAMAHA JUPITER, màu đỏ đậu ở khu vực trại lò gạch của ông Trần Văn D, trên xe gắn sẵn chìa khoá, không người trông giữ, nên bị cáo nảy sinh ý định và lấy trộm xe mô tô biển số 64K1- 4798 có giá trị 5.000.000 đồng điều khiển về rừng tràm thuộc huyện MH, tỉnh Long An để đi làm thuê.

Bị cáo là người đủ tuổi và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã cố ý thực hiện hành vi lén lút lấy trộm tài sản của bị hại có giá trị 5.000.000 đồng. Đây là hành vi phạm pháp luật hình sự, nguy hiểm cho xã hội. Do đó, đã đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tài sản là sự kết tinh giữa trí lực và sức lực của con người tạo ra và được pháp luật bảo vệ. Pháp luật nghiêm cấm mọi hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác khi chưa có sự đồng ý của chủ sở hữu. Ở đây bị cáo đã có đủ điều kiện để lao động tạo ra tài sản nuôi sống bản thân. Nhưng do mục đích tư lợi nên bị cáo đã cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, gây mất trật tự trị an của địa phương, ảnh hưởng đến phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá khu dân cư. Nên cần phải xử lý nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3]. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

3.1. Tình tiết tăng nặng: Không.

3.2. Tình tiết giảm nhẹ:

Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị cáo phạm tội lần đầu và

thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4]. Về vật chứng:

Một xe mô tô biển số 64K1- 4798, nhãn hiệu YAMAHA JUPITER, màu đỏ. Đây là tài sản hợp pháp của bà Trần Thị T, được chồng là ông Nguyễn Văn T1 sử dụng làm phương tiện đi làm thuê cho ông Trần Văn D, đậu tại lò gạch của ông D, bị cáo đã lấy trộm. Cơ quan điều tra hoàn trả xe cho bị hại Trần Thị T là đúng quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[5]. Về bồi thường thiệt hại:

Bị hại Trần Thị T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Văn T1, không yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với xe mô tô biển số 64K1- 4798. Nên không xét.

[6]. Xét hoàn cảnh khó khăn của gia đình của bị cáo, nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[7]. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm là đúng quy định.

Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đã xem xét đến các chứng cứ được đưa ra thẩm tra tại phiên tòa, đã đánh giá đúng hành vi, tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo. Về đề nghị mức hình phạt, đại diện Viện kiểm sát đã xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo. Do đó, chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn C phạm tội: “Trộm cắp tài sản”

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử:

Phạt bị cáo Huỳnh Văn C 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo Huỳnh Văn C bị bắt giữ là ngày 06/02/2023.

2. Về vật chứng:

Trong quá trình điều tra đã xử lý xong đối với xe mô tô biển số 64K1- 4798, nhãn hiệu YAMAHA JUPITER.

3. Về bồi thường thiệt hại:

Bị hại Trần Thị T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Văn T1 không yêu cầu. Nên không xét.

4. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự:

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Huỳnh Văn C.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Huỳnh Văn C nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Tuyên án có mặt bị cáo, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại Trần Thị T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Văn T1 vắng mặt, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp Vĩnh Long;
- VKSND huyện Mang Thít;
- Công an huyện Mang Thít;
- THADS huyện Mang Thít;
- UBND xã PT, huyện TN;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu văn phòng.
- Phòng hồ sơ CAT Vĩnh Long;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

*(đã ký)*

**Huỳnh Văn Vĩnh**